

PHẨM: BỒ-TÁT

(Phần 3)

Chánh văn: “Phật bảo ngài Trì Thế Bồ-tát: Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật”,

Ba là: Phật sai Bồ tát Trì Thế. Văn có hai phần: Sai thăm bệnh và từ chối không kham.

- Sai thăm bệnh. Sở dĩ sai tiếp Bồ tát Trì Thế vì ngài là Bồ-tát xuất gia, cũng là pháp thân Đại sĩ nối ngôi tôn quý. Nói Trì Thế là hiểu nhớ không quên nên gọi là trì. Thế là nghĩa ngăn cách. Chân tâm thật tướng hiểu nhớ các pháp Không quên mất, nên gọi là Trì Thế. Trì có nhiều nghĩa tóm lược, có năm nghĩa:

- a) Giá trì.
- b) Tổng trì.
- c) Văn trì.
- d) Trụ trì.
- e) Nhậm trì.

Bốn giáo đều có năm thứ trì này nhưng ba quyền một thật. Nay căn cứ ở Viên giáo mà nói năm thứ trì:

- *Giá trì*: Bồ-tát được thật tướng chân minh thường ngăn chặn các phiền não pháp giới và các khổ báo sinh tử.

- *Tổng trì*, tất cả công đức muôn hạnh tự lợi lợi tha, như chén nước đầy không nứt nẻ rò rỉ.

- *Văn trì*, cả mười phương chư Phật nói pháp cho đến các ngôn từ của mười giới một lần nghe qua đều nhớ rõ, như mây giữ mưa không quên mất.

- *Trụ trì*, giữ gìn các pháp môn của mười phương chư Phật nối tiếp mãi không mất.

- *Nhậm trì*: Vô duyên đại từ gánh vác tất cả giữ gìn không buông bỏ.

Bồ-tát từ mới phát tâm, tâm như hư không không phải Thiên không phải Viên, mà luôn giữ được quyền thật, cho đến vị Pháp vân Đăng giác. Ngài Trì Thế ở vị Bồ xứ, cả năm trì quyền thật đều rất ráo, lẽ nào không biết ma Ba-tuần hóa thân làm Đế Thích, nhưng vì muốn khiến chúng sinh biết ma giới như và Phật giới như, nhất như không hai, cho nên lúc xưa đã thị hiện việc không biết ma, thị hiện việc chịu chê trách để khiến chúng sinh ngộ Phật tri kiến. Khai tức là chung, thị tức là riêng, chung riêng không hai tức là ngộ. Đây lại dựa vào sơ tâm mà

không tìm cầu xa xôi, cho đến bậc Diệu giác cũng như thế. Trước chê trách các ngài Di-lặc, Quang Nghiêm đều phá cái báo hẹp trên quả, nên căn cứ Bồ-đề đạo tràng để chê trách tiếp các ngài Trì Thế và Thiện Đức thì đều là phá việc nhằm chấp về nhân. Cho nên căn cứ việc ma đến hội thí để chê trách.

Nay Phật sai tiếp ngài Trì Thế là nếu có kể việc chê trách xưa, sẽ khiến các Bồ-tát biết việc ma mà ngộ Phật tri kiến. Đại chúng đồng nghe liền thành năm lợi ích trước.

- Đáp lời không kham “Trì Thế...”. Văn có bốn:

- 1) Đáp lời không kham.
- 2) Nói lý do không kham.
- 3) Kể việc không kham.
- 4) Kết thành không kham.

* Đáp lời không kham: vì lúc xưa không biết ma biến làm Đế Thích, bị ngài Tịnh Danh chê trách, đâu dám truyền chỉ thăm bệnh.

* Nói lý do không kham: do không biết ma làm Đế Thích hiện đến. Văn có năm:

- a) Ở trong tịnh thất.
- b) Ma làm Đế Thích mà đến.
- c) Ma đến không biết.
- d) Ma lại cho ma nữ.
- e) Sợ kỳ lạ không nhận.

Ở trong tịnh thất: ngài Trì Thế đang ở trong tịnh thất tránh ồn ào mà nhập định. Đó là pháp thân Đại sĩ đâu cần sinh thân vào đạo, hiện tích đồng phương tiện làm phép tắc cho mọi người để dẫn dắt mọi người tiến tu, nên ở trong tịnh thất thị hiện tu thiền định, lúc đó ma đến đứng một bên.

b. Ma hiện làm Đế Thích đến, sợ dĩ hiện làm Đế Thích đến, vì Đế Thích là đệ tử Phật đã được Thánh đạo, lại là đàn-việt của Phật thường đến gần gũi. Ngài Trì Thế là Bồ-tát xuất gia thấy đàn-việt đến theo lý ắt phải thăm hỏi liền bị quấy loạn. Nay nói theo bốn giáo về biết ma không đồng:

- Bồ-tát của Tam tạng giáo do chưa lìa phiền não ma và ám ma, chỉ quán hạnh hiểu biết chiết phục mà thôi. Bèn nhờ đây mà tu đạo. Nếu được thần thông, khi tác ý thì biết Thiên ma, không tác ý thì không biết. Nếu biết rồi dùng thần thông hàng phục, thì chưa thể phá hẳn được. Khi đến cội Bồ-đề trước liền hàng ma, sai khi ma rút lui thì ba mươi bốn tâm đoạn dứt các kiết, bốn ma và nội giới đều hết.

- Bồ-tát của Thông giáo kiến địa, đoạn từng phần kiến phiền não mà được năm phần pháp thân, từng phần đoạn trừ ấm ma. Đến địa thứ sáu thì không có các chánh sử thắm đắm nghiệp, trừ hết ấm ma và tử ma giới nội. Lại còn thế nguyên giữ lại tập khí để, thọ sinh vào nội giới có ấm có tử, tuy có ấm tử nhưng không mất đạo. Đến địa thứ bảy thì dù có thân thông nhưng tác ý thì mới biết và phá được Thiên ma, không tác ý thì không biết và không phá được. Khi đến dưới cội Bồ-đề thì mới phá rốt ráo, một niệm tập hết, không phát thế lưu tập khí thọ sinh, tức là bốn ma đã hết hẳn.

- Bồ tát Biệt giáo là Thập trụ nhập lý thiên Chân mà phá phiền não ma, ấm ma và tử ma. Bậc Thập hạnh được thân thông cũng phải tác ý mới biết Thiên ma, không tác ý thì không biết và không hàng phục được. Đến bậc Sơ địa thì được một thân và vô lượng thân, làm Phật trăm cõi, các tập ở nội giới đều dứt, các ấm tử thiên ma đều phá hết.

- Bồ tát Viên giáo thì năm phẩm đều phục trọn cả bốn ma, nếu vào Thập tín thì liền Viên đoạn tất cả, không cần tác ý tự biết ma đến. Đây là tóm tắt phân biệt việc phá các ma ấm... Nếu phá tám ma thường, vô thường... thì Bồ-tát của Tam tạng giáo chỉ chế phục bốn ma, khi đến đạo thọ mới phá hết. Nếu bậc kiến địa của Thông giáo và thập trụ của Biệt giáo thì dẹp trừ Thường, Lạc... bốn thứ. Thập hạnh, Thập hưởng đã phục được vô thường... bốn thứ, Đẳng Địa thì phần phá được vô thường... bốn thứ. Nhân tuy vô thường nhưng quả là thường, đầy đủ như trong Đại kinh Phật trả lời Phạm chí. Đến Thập địa ở Biệt giáo thì tám ma đều dứt. Bậc Sơ trụ của Viên giáo thì phá trọn cả tám ma, nội giới dứt hẳn. Nếu bốn thứ vô thường... ngoại giới, thì cho đến hậu tâm thì mới rốt ráo phá hết.

Hỏi: Ngài Trì Thế vì sao bị ma quấy nhiễu?

Đáp: Nếu luận về hiện tích phương tiện ở Bồ xứ thì lẽ nào lại không biết ma, có giáo không người không cần phải sát hạch. Chỉ vì nhờ các phương tiện giáo để làm phép tắc gương mẫu nên thị hiện là Không biết. Giải điều này có ba ý:

Một là, Phương tiện Bồ-tát chưa thể thấy ma và Phật nhất như. Phật giới thuộc lý còn ma giới thuộc sự. Các phương tiện giáo tuy đã vào chân lý nhưng không thể vô ngại ở sự lý. Đoạn kiết nhập chân bỏ sự vào lý. Như lúc người sợ thì hàng phi nhân được dịp, không thể thể nhập cùng Phật giới nhất như, do đó mà bị quấy nhiễu. Còn Đại sĩ Tịnh Danh thì hai giới không hai, thấu suốt vô ngại, không có lấy bỏ, nên biết được và hàng phục được.

Hai là, Các phương tiện giáo duyên tu chiếu tịch, có nhập và xuất quán, tác ý thì biết ma không tác ý thì không biết. Về Viên giáo chân tu thì không xuất nhập quán, luôn ở trong Tam-muội Tịch mà thường chiếu. Ngài Trì Thế dù ở trong tịnh thất nhưng vẫn chưa nhập quán không tác ý để soi chiếu, thế nên không biết, còn Đại sĩ Tịch Chiếu, nên luôn hay biết. Ví như người tu thiền không biết tà mị, phải nhờ gương sáng, nên dù quỷ mị mê hoặc mắt người, nhưng không thể biến nguyên hình ở gương được, ma Ba-tuần cũng thế. Chỉ có thể lừa dối duyên tu chưa nhập quán, mà không thể lừa dối chân tu tịch chiếu.

Ba là, Các người học phương tiện giáo nếu nhập quán thì biết ma, hoặc tạm thời hàng phục nhưng không thể ở cảnh giới mà vô ngại. Như người không thể điều phục được đệ tử hung ác thì bỏ đi không nhận. Cũng có người không bỏ lại dùng phương tiện điều phục cho thuần thực, theo đuổi khiến họ thành kẻ thuận thiện. Bồ-tát điều ma cũng thế. Không phải chỉ điều phục tâm ác khiến thành thiện mà cũng hay khiến họ phát tâm Bồ-đề, chứng Vô tận đấng, rộng hóa độ tất cả. Đối với Phật pháp chưa từng có tổn giảm, mà lại rộng nhiều ích khắp chúng ma. Quyển giáo Bồ-tát thiếu ba nghĩa này nên bị ma nhiễu loạn. Nay ngài Trì Thế đang tịnh, bị ma hiện hình trời muốn quấy nhiễu. Ngài Trì Thế không biết nhân chướng mà nhập định. Còn Phật biết cơ hóa độ người thành đạo, ma biết người được đạo nên cũng đến phá hoại.

Ma đến không biết mà nói pháp cho nghe “ngã ý... kiên pháp”.

Nói “Thiện lai”, vì không biết là ma, cho đó là Đế Thích đến cầu thiện pháp nên khen là “Thiện lai.” Kiền-thi-ca vốn là họ người, lấy họ làm tên. Tuy phước đáng có, là phước cảm được quả báo vui giàu của Thiên vương nhưng không nên phóng túng không tu.

Phải quán năm dục vô thường để cầu gốc thiện. Nếu Tiểu thừa chỉ dùng vô thường làm gốc thiện xuất thế. Đại Luận nói Thiên vương luôn mê đắm năm dục, Phật nói cho nghe vô thường... Mười lăm thứ quán, để phá hết dục, liền khiến chuyển giáo. Ngài Trì Thế cho đó là Thiên vương nên khuyên quán vô thường để lìa dục, đối với thân mạng tài mà tu pháp kiên cố có pháp. Tam kiên cố có năm thứ:

Một là, Ba kiên cố của thế gian: không đánh đập mà ban ân tuệ nên được thân kiên cố ở vị lai; do phóng sinh cấm sát nên được mạng kiên cố ở vị lai, do trực tâm bố thí nên được tài kiên cố ở vị lai. Nên khiến Thiên đế quán vô thường. Quả báo trời không lâu dài, nên phải gieo trồng nghiệp kiên cố ở vị lai.

Hai là, Kinh Thanh Văn nói tu ba kiên cố, là nếu quán vô thường

thì được năm phần pháp thân, vô lậu tuệ mạng và thất Thánh tài. Không thể bị tổn hại nên gọi là kiên. Bồ-tát vì chúng sinh vì Phật pháp mà hy sinh thân mạng không chút luyến tiếc, thì báo đặng được ba kiên cố thế gian, sau khi thành Phật mới được ba kiên cố, đại thể đồng với Thanh văn.

Ba là, Theo Thông giáo thì quán ba kiên cố không sinh không diệt, phiền não sinh tử Thiên ma ngoại đạo không thể phá hoại.

Bốn là, Biệt giáo thì bậc Đẳng địa lìa sinh tử nội ngoại giới, pháp thân hiển bày gọi là thân kiên cố; Bát-nhã tuệ mạng trọn không đoạn mất tức là mạng kiên; muôn thiện pháp tài không bị cướp đoạt tức là tiền của kiên cố.

Năm là Viên giáo nói bỏ thân mạng tài đều suốt cùng sinh tử kiếp sau, lìa bỏ lão bệnh tử được thường trụ bất hoại. Tất cả pháp đến thân mạng tài cũng là ba đức kiên cố.

Ngài Trì Thế lầm vì Thiên vương nói pháp năm thứ ba kiên cố chưa biết nói như thế nào.

Nói ma thí ma nữ “tức ngữ... tảo sái”, ma biến hình làm Đế Thích đã bỏ thiên tâm lại hiển dăng ma nữ để lại quấy nhiễu. Trước hiện thân Đế Thích là giấc yếu nhập vào, nay đem ma nữ dăng hiển để trái tình là giấc mạnh lại nhập, hai loại giấc cướp này quấy hại tâm. Trì Thế không biết là đã bị ma nhiễu hại.

Nói Trì Thế thấy quái lạ không nhận ““Ta nói”... “trái phép ta”“. Nữ là cảnh phi pháp đâu được cưỡng dăng cho nên nói: Chớ đem vật phi pháp này dăng cho ta. Sa-môn là bậc phạm hạnh thanh khiết, không được nhận vật ô nhiễm phi pháp cúng dường, nên nói không hợp với ta.

* Kể việc bị chê trách nên không kham “Sở ngôn...”. Văn có tám:

1. Ngài Tịnh Danh cảnh tỉnh ngài Trì Thế.
2. Tịnh Danh đến ma đòi ma nữ.
3. Ma sợ hãi muốn đi.
4. Tiếng trên không khuyên bỏ.
5. Ma bỏ ma nữ.
6. Đại sĩ nói pháp cho ma nữ.
7. Ma xin lại ma nữ.
8. Đại sĩ trả lại ma nữ.

Ngài Tịnh Danh cảnh tỉnh: Vì ngài Trì Thế không thể tự tỉnh giác bởi duyên tu không tới nơi, nên bị ma huyễn hoặc mà không biết. Đại

sĩ ngộ Phật tri kiến, tự ngộ ngộ tha, soi chiếu cùng tột, nên có thể phát giác được ma huyễn hoặc, chỉ rõ phải quấy. Trước chỉ rõ ma muốn phá chánh đạo nên nói: “Ma vây chặt quấy nhiễu ông”.

Ngài Tịnh Danh đòi ma nữ “tức ngữ... ứng thọ): Như ta đáng thọ nhận. Đây có hai ý:

a) Ta là người thế tục nhận thì không hại gì.

b) Viên hạnh Đại sĩ thấu suốt cội nguồn của sắc, trái hay thuận, mạnh hay yếu đều là Chánh đạo, không hại gì nên nói: “Như ta đáng thọ nhận”.

Ma sợ muốn đi “ma tức... đắc khứ”. Vốn khinh ngài Trì Thế việc phá hoại sắp thành bỗng gặp ngài Tịnh Danh phát hiện sự giả trá, lại biết không thể đối địch, đành phải chịu nhục, thế nên kinh sợ. Muốn ẩn hình biến đi nhưng cố hết thần lực cũng không đi được. Vì ma tuy có thần lực nhưng không bằng pháp thân Đại sĩ có năng dụng không cần mưu cầu, nên cố hết sức vẫn không đi được.

Tiếng trên không trung khuyên bỏ: “Tức văn... đắc khứ”, tiếng trên không trung. Quan Hà xưa có giải rằng: Bồ-tát hóa độ ma này, nhân căn cơ mà trợ giúp: Trước đây người muốn hiến dâng cho ngài Trì Thế, nay ngài Tịnh Danh xin sao lại không cho. Cho thời không trái với bốn tâm thì mới có thể đi được. Hoặc là ngài Tịnh Danh phát tiếng nói trên không trung để điều phục ma, hoặc là tiếng nói của Pháp thân Tỳ-lô-giá-na Đức Thích-ca, như Phổ Hiền Quán đã nói. Ma vì sợ nên gắng gượng kính cho.

Ma đã bỏ ma nữ, nhưng không thể tự ẩn đi. Tiếng trên không lại khuyên ma nên tự niệm nhớ, nếu không dâng nạp các ma nữ e càng bị nhục. Sợ không nhận nên lại xin dâng nạp.

Nhận ma nữ và nói pháp để điều phục tâm ma “Bấy giờ trở đi”. Thế nên nhận các ma nữ, để lợi ích cho họ nên cần nói pháp. Văn có hai: Một là Khuyên phát tâm. Hai là Khuyên tu hành.

Phát tâm là mắt, tu hành là chân. Mắt chân đầy đủ nên vào được ao Thanh lương. Do đó trước khuyên phát tâm, sau khuyên tu hành. Như ứng hiện nói pháp, là tùy bốn căn duyên khiến đều phát tâm.

Từ “các người...) là khuyên tu hành, tuy đã phát tâm cần phải tu hành thay cho nguyện suông, nên khuyên tu hành Bồ-tát pháp lạc.

Vì để phá dục lạc, nên nói pháp lạc, khiến ma tu tập. Văn đây lại có ba phần nhỏ: Khuyên tu pháp lạc. Thiên nữ thỉnh hỏi. Tịnh Danh đáp.

Khuyên tu, như văn.

Thiên nữ liền hỏi: Sao gọi là pháp lạc là Thiên nữ hỏi. Thiên nữ ở cung ma nhận được dục lạc thế tục, không nghe nói pháp lạc thanh tịnh xuất thế. Nay nghe chưa hiểu nên hỏi.

Tịnh Danh đáp “đáp rằng...”: Pháp lạc là tất cả ham muốn thiện pháp là gốc của nó, nếu có ham thích thì là vui. Như người yêu kính nghĩ đến cha mẹ thân thích thì lấy đó làm vui. Nếu là đệ tử Phật thì lấy Phật thay cha, lấy Pháp thay mẹ, lấy Tăng thay cho thân thuộc, lấy hạnh thay cho tài sản, cái vui sâu sắc đó là pháp lạc xuất thế. Văn có năm: Một là, Vui quy y Tam bảo. Hai là, Vui lìa bỏ Tập đế. Ba là, Vui quán Khổ đế. Bốn là, Vui tu Đạo đế. Năm là Kết thành pháp lạc.

Nếu hay như thế chẳng những trong nhân liền được pháp lạc mà sau này lại được cứu cánh thường, lạc của Diệt đế Niết-bàn.

Vui quy y Tam bảo, Tam bảo của bốn giáo, tùy chỗ tin vui tức là pháp lạc, vui lìa ngũ dục.

Vui lìa bỏ Tập đế. Tập cần nên là đoạn, nên nói vui lìa ngũ dục. Kinh Pháp Hoa nói: Các khổ đều do tham dục làm gốc, nên biết ngũ dục tức là tập vậy. Như người bệnh hết liền được an lạc. Nếu lìa ngũ dục tức được pháp lạc. Việc lìa tập tùy cơ của bốn giáo không đồng. Chỉ lúc đầu chê trách Thiên nữ mê đắm năm dục lạc là dùng nhiều về Tam tạng giáo.

Ba, Vui quán Khổ đế “Lạc quán... không tụ”, nếu không có lạc quán thì là bị khổ làm khổ, đâu có pháp lạc. Nếu hay quán thì liền được quán trí chân pháp lạc. Quán khổ của bốn giáo tùy căn đem dùng.

Khuyên tu Đạo đế: “lạc tùy hộ...”. Văn có ba:

1. Tu hạnh gốc.
2. Chánh hạnh.
3. Biến hạnh.

Tu hạnh gốc là vui tùy ý hộ đạo, đây là khuyên tự làm thiện, khéo hộ trì đạo tâm đạo tâm không hư hoại. Lấy đạo tự vui tức là pháp lạc. Thích làm lợi ích chúng sinh, tức là khuyên hóa tha. Như cha mẹ thấy con lìa khổ được vui thì cha mẹ cũng vui. Ưa thích kính dưỡng thầy, là bỏ cha theo thầy, thầy giúp thành đức tốt. Kính thầy và đạo pháp thấm vui, với Thần vi tức là pháp lạc. Biết ân kính dưỡng, báo đức thỏa lòng cũng là pháp lạc. Ấy là trong tu tự hành hóa tha, ngoài có Minh sư dắt dẫn, nhân duyên đầy đủ, không hạnh nào không thành, chỗ mong cầu đều xứng ý, tức là pháp lạc.

Nói chánh hạnh của Bồ-tát “Lạc quang... Minh Tuệ”, Lục độ là tông chỉ chung của các hạnh, bốn giáo đều tu để cầu Bồ-đề nhưng giáo

môn không đồng, nên có sinh diệt... Tứ đế, như trong Phẩm Phật Quốc khen đức của Bồ-tát và hạnh Tịnh độ đã giải thích đầy đủ. Chỉ ngài Tịnh Danh tùy ứng mà nói, cốt mong các Thiên nữ chỗi ra làm đều tùy được vui, đạo vị thắm trí, xứng tâm thỏa ý đều gọi là pháp lạc.

Nói về biến hạnh “Lạc quảng chi pháp”. Hạnh có hai thứ là chung và riêng. Chung là sáu pháp Ba-la-mật. Riêng là trải khắp muôn hạnh. Nay khuyên các thiên nữ làm khắp muôn hạnh mà tóm tắt nêu ra vài điều để làm tướng pháp lạc. Lại còn, nếu làm một hạnh thì hạnh nào không thuộc. Vui thích mở rộng tâm Bồ-đề tức là hoằng thệ, ắt khiến biến khắp nên gọi là rộng. Từ lúc đầu phát hoằng thệ cho đến vô tác, tức là nghĩa thêm rộng. Đạo cao quý tăng trưởng, pháp vị đổi mới tức là pháp lạc.

Vui hàng phục các ma, như tâm bình thảng oán thù thì tất vui sướng. Vui đoạn các phiền não. Bệnh phiền não hành tức là Niết-bàn.

Vui cõi Phật thanh tịnh, nghĩa cõi Phật thanh tịnh như trước đã nói. Như nhà cửa ở đời cần nên sửa sang cho sạch đẹp, chủ khách nhìn vào tất vui vẻ.

Vui thành tựu tướng hảo, nên tu các công đức. Như người tự tại thoải mái tất hình nghi đoan chánh, trong có đức tốt liền vui sướng.

Vui nghiêm đạo tràng. Về đạo tràng của bốn giáo đã giải thích rõ trong phần ngài Quang Nghiêm. Đây là trừ ngụy hiển chân, chân hiển thị thì ngụy diệt, tất sẽ vui mừng.

Vui nghe pháp sâu không sợ, tuy mỗi thứ đều có pháp sâu nhưng thiên chân của Tạng Thông thì chưa lấy làm sâu. Biệt viên thì viên trực mới là pháp sâu khó đạt đến đáy. Nếu người sợ sệt tâm sẽ kinh nghi, nên khổ mà không vui. Nếu nghe mà không sợ thì ham thích cầu mong được vui chân thường. Nhưng vui ở ba môn giải thoát, không vui phi thời. Về ba giải thoát môn của bốn giáo, hai thứ trước có thời và phi thời. Phi thời tức là Nhị thừa, còn thời là Bồ-tát. Lại còn, hai thứ Bồ-tát trước cũng là phi thời. Biệt và Viên giáo quán Trung đạo, tu ba giải thoát môn tức là thời. Biệt so với Viên lại là phi thời. Riêng Viên giáo mới chính là chân thời. Vì sao? Vì các giáo hạnh phương tiện không phải chứng thời, nếu muốn lấy chứng thì đều là phi thời. Nếu thời mà cầu thì liền được chân rốt ráo ba giải thoát môn, tức là chân pháp lạc.

Vui gần và đặng, thì bốn giáo mỗi thứ đều có đồng học thân cận, đồng tu hòa đồng được khen thưởng tức là pháp lạc. Nếu ở phạm phu Tiểu thừa thì không phải đồng hành. Nếu tâm có sân khuể chướng ngại thì phá hư chân pháp lạc. Nếu tâm không có sân khuể chướng ngại lại

hay tùy hỷ những việc cao hơn thì lại được pháp lạc tùy hỷ.

Vui hộ trì ác tri thức, nếu không hộ trì ý người ấy tất họ phá hoại pháp lạc, nếu hay đem điều thiện hộ trì thì ác tâm họ không sinh, không đến nỗi phá hư các nội thiện pháp lạc, luôn được an ổn tồn tại.

Vui gần Thiện tri thức. Thiện tri thức là người hay chỉ bày giáo pháp tạo niềm vui, tạo nên pháp lạc cho người.

Vui tâm hỷ thanh tịnh, Đại tập có nói như biết đúng thật, biết nhiều tâm động hoàn toàn là hỷ. Biết đúng thật, biết nhiều tức là chân pháp lạc. Tâm động hoàn toàn gọi là tịnh pháp lạc.

Vui tu vô lượng pháp đạo phẩm. Đạo phẩm của bốn giáo, nếu ở tâm Bồ-tát để hóa độ chúng sinh đều gọi là vô lượng. Sở dĩ nói đạo phẩm gọi là pháp lạc, là như kinh Pháp Hoa nói: “Có căn, lực, giác, đạo vô lậu liền được vô lượng an ổn vui vẻ”, hàng Nhị thừa còn được thế, huống là Bồ-tát. Nhưng chỉ phân biệt vô lượng đạo phẩm, mở nghĩa bốn giáo lấy bỏ khó hiểu. Đó là căn cứ pháp lạc của Bồ-tát.

Năm, Kết thành pháp lạc. Nếu Bồ-tát có tâm ham thích tu các pháp này thì đều là pháp lạc. Chỉ lược nêu ra một thứ, các thứ khác đều là pháp lạc. Như người tự hành nghe kinh, học tập thiền tọa... tâm vui liền vui, nếu tâm không vui liền sinh khổ thọ.

Ma khuyên Thiên nữ về cung: “Do đó...”. Văn có ba: Một là Ma khuyên Thiên nữ. Hai là, Thiên nữ thích pháp lạc không trở về. Ba là, Ma đến xin Thiên nữ. Đều như văn nói.

Ngài Tịnh Danh trả lại Thiên nữ: “Duy-ma-cật...”. Đây có bốn: Một là Tịnh Danh trả các Thiên nữ. Hai là, Các Thiên nữ thỉnh pháp muốn trở về. Ba là, Ngài Tịnh Danh nói Vô tận pháp môn. Bốn là, Các Thiên nữ chí kính ra đi.

Ngài Tịnh Danh trả Thiên nữ: Đại sĩ vốn thường tu xả hạnh, chính để điều phục ma, nên nói “như ta đáng nhận lãnh.” Điều phục ma xong thì các Thiên nữ phát tâm nên thả trở về ma cung lại hay rộng giáo hóa nên trả lại cho ma. Khiến tất cả chúng sinh đều được pháp nguyện đầy đủ. Trả về liền mãn nguyện, nhân đó mà lập nguyện khiến cầu pháp, là đều được pháp nguyện đầy đủ.

Các Thiên nữ thỉnh pháp muốn trở về “Ư thị... ma cung”. Đệ tử riêng thờ thầy là cần thưa hỏi và xin được dạy bảo những điều cần làm.

Nói cho pháp môn Vô tận danh “Duy-ma... chúng sinh”. Bồ-tát của bốn giáo đều có pháp môn này, chỉ có rốt ráo hay không rốt ráo mà thôi. Về Tạng Thông do hội đoạn thì quả có dứt hết mà trong nhân được

truyền hóa đến quả, tuy đã nhập Niết-bàn, nhưng vẫn lần lượt thọ ký, nên giáo pháp Phật không dứt mất. Đây là làm vô tận Hữu tận đặng. Trong Biệt viên thì thấy biết tất cả pháp như không vô tận, trí cũng vô tận. Tự mình bất khả tận mà hóa tha cũng thế. Ví Như có hai cái đèn, một cái dầu ít ngọn lửa nhỏ, một cái dầu nhiều ngọn lửa to. Dầu nhiều ngọn lửa to vốn là Bất tận đặng, đốt mỗi các đèn khác cũng không thể dứt. Ngài Tịnh Danh dùng pháp môn này để chuyển độ người khác. Lại khiến cho cả trăm ngàn người khác đều phát tâm mà không tổn hại chi ngọn đèn gốc, nên lấy đó làm dụ. Ấy thời ngậm biết, là tất cả đều sáng mãi trọn không dứt mất. Khiến các chúng sinh nối giòng Pháp vương, tức là hay báo đền ân pháp làm lợi ích cho tất cả.

Bốn, “Nhĩ thời... bất hiện” Thiên nữ thọ giáo chí kính rồi trở về cung, như vẫn.

* Kết thành không kham “Thế Tôn...”. Ngài Tịnh Danh có thần lực này, là tịch chiếu tri kiến đều phục ma tự tại. Trí tuệ biện tài, là nói pháp lạc và Vô Tận Đặng. Ngài Trì Thế tự nghĩ lúc xưa không bằng ngài, đầu dám lãnh ý đến thăm bệnh.

Chánh văn: *Phật bảo Trưởng giả tử Thiện đắc.*

Bốn là sai Thiện đắc. Văn có hai phần: Phật sai thăm bệnh và Từ chối không kham.

Sai thăm bệnh, sở dĩ sai tiếp ngài Thiện đắc, vì ngài là Bồ-tát tại gia, là một trong số năm trăm người, cũng là pháp thân thị hiện ở vị bồ xứ. Sở dĩ gọi là Thiện đắc, thiện là khéo léo, đắc là được lý, khéo léo được lý nên gọi là Thiện đắc. Nhưng xét theo giáo thì không đồng.

Theo Tam tạng giáo thì Nhị thừa tự khéo léo được lý, nhưng không có thể đoạn tập, còn Duyên giác đoạn tập không hết nên không phải nghĩa Thiện đắc. Bồ-tát thì không thế. Ý luôn cứu giúp tất cả để đạt quả được lý, các chánh tập đều hết nên gọi Thiện đắc.

Theo Thông giáo, thì giáo trước tích không đạt được lý, ba thừa đều không phải Thiện đắc, giáo này thể chân tức là khéo độ, ba thừa thấy đều là lý Thiện đắc Đệ nhất nghĩa. Chỉ Nhị thừa không có Bi, liền nhập Niết-bàn nên không gọi là Thiện đắc. Bồ-tát được lý thì rộng lợi ích quần sinh đạt đến tận cùng, đạt đến quả Phật, tập khí đều dứt, nên gọi là Thiện đắc.

Theo Biệt giáo, thì Thông giáo thiên chân đầu thể gọi là Thiện đắc. Giáo này được chân, không trụ ở tu hằng hà sa Phật pháp, đoạn hết biệt hoặc, thấy lý Trung đạo, bèn gọi là Thiện đắc.

Theo Viên giáo thì Biệt giáo duyên tu đầu thể gọi là Thiện đắc.

Một tâm ba quán năm nhãn đầy đủ, viên chiếu pháp giới, viên thành ba đức, rốt ráo Niết-bàn, đó là chân Thiện đắc. Thế thì không đắc mà đắc. Đắc vô sở đắc nên gọi là Thiện đắc là ba quyền một thật. Nay Trưởng giả tử khéo biết không phải quyền không phải thật mà luôn thành tựu được quyền thật Thiện đắc. Do đây mà hóa vật, tự lợi lợi tha, nhập Phật tri kiến, nên gọi là Thiện đắc. Nghĩa này đã thế, đâu lại đáp là Không biết hội pháp thí nên bị ngài Tịnh Danh chê trách. Nhưng chỉ là dùng chày cối để thành vật mà hiển bày nhập Phật tri kiến. Vì sao biết được? Nay sai thăm bệnh là lấy bốn nghĩa này. Ba nghĩa trước là hiển bày ba nghĩa khai, thị ngộ ở sơ tâm. Nay sai ngài Thiện đắc là muốn chỉ bày đạo nhập Phật tri kiến. Trước ngài Trì Thế, là chỉ cho biết chính nói mà như không khác Phật như. Nay là hiển bày việc vào hội pháp thí không có trước sau, cùng một lúc bình đẳng thí, tức là Không hai mà hai. Đạo quán song lưu, nên nhận chuỗi anh lạc phân làm hai phần, một phần dâng ngài Nan-thắng, một phần cho người ăn xin, tức là hội bình đẳng pháp thí. Lại căn cứ theo sơ tâm chớ cầu xa xôi. Thuở xưa phá hội tài thí bảy ngày, tức là mượn ý để phá người học Ba giáo chưa vào Trung đạo, bao nhiêu đàn thí không phải là hội pháp thí. Nay sai thăm bệnh, nếu thuật lại việc bị chê trách xưa, thì đại chúng đều được khắp nghe về học phương tiện, và đều hổ thẹn mà cầu chân pháp thí, tức là thành tựu được năm thứ lợi ích trước.

- Từ chối không kham “Thiện đắc...”. Văn có bốn:

- 1) Từ chối không kham.
- 2) Kể lý do không kham.
- 3) Chính kể việc bị chê trách.
- 4) Kết không kham.

* Từ chối không kham, vì thuở xưa lập hội thí bảy ngày, nhưng không phải là hội pháp thí không lợi ích vật, đến nỗi bị chê trách, nên không kham truyền chỉ Phật đến thăm bệnh.

* Nói lý do không kham “Sở dĩ.. bảy ngày”. Do ở tại nhà cha lập hội đại thí cúng dường tất cả, thời hạn bảy ngày, nhưng không biết pháp thí. Nói nhà cha là chỗ ở của tổ phụ. Lập hội đại thí, thì Quan Hà cự giải nói rằng: Nhà Tổ phụ có tà kiến nhiều đời luôn tu theo cúng tế tà. Tế nhỏ thì dùng dê, tế vừa dùng trâu, tế lớn thì dùng người. Thiện đắc giáo hóa dẹp bỏ được thờ cúng tà này, khuyên tu chánh đạo là chân đàn thí. Nhà ông rất giàu tứ sự đều dư giả, nên lập đại hội thí này, cúng dường cho tất cả hàng xuất gia, tại gia, nội đạo hay ngoại đạo và cho kẻ ăn xin hèn kém nhất, cung cấp đầy đủ không phân biệt các thứ cần dùng

suốt cả bảy ngày. Nhưng hội thí là đàn. Xét theo bốn giáo là:

Theo Tam tạng giáo là thường bỏ tài vật cho đến thân mạng, mới thành Đàn độ (Bố thí độ). Như vua Thi-tỳ chết thay cho chim câu không hề hối hận.

Theo Thông giáo, nếu chỉ buông bỏ tất cả thì chỉ là đàn mà không phải độ. Hiểu rõ ba việc đều không “người thí, của thí, người nhận) có gì thí nấy mới là đàn là độ.

Theo Biệt giáo, tuy ba việc đều không, thì vẫn là Đàn mà không phải độ. Hay độ Biệt hoặc, đến được Đại Niết-bàn, luôn phân biệt thí có vô lượng tướng, phó cơ độ vật thì mới là Đàn là độ.

Theo Viên giáo, trước tuy đã phá Biệt hoặc, tùy cơ mà thí, nhưng vẫn là Đàn chưa phải độ, vì không phải rốt ráo. Nếu biết tất cả hưởng đến, đàn không ngoài thú, mà đàn còn không thể được, sao còn có hưởng đến không hưởng đến, tức là Đàn độ vậy. Vì sao? Vì là đàn rốt ráo thấu suốt các pháp vậy. Ba quyền một thật, thật là hội pháp thí. Ngài Thiện đặc thị hiện phương tiện làm ba thứ trước, không hiểu đàn độ rốt ráo của Viên giáo là hội pháp thí, cho nên bị chê trách. Nguyên do không kham là do đây.

* Kể việc bị chê trách “Thời Duy-ma...”. Văn có sáu:

- a) Chánh chê trách.
- b) Thiện đặc thưa hỏi.
- c) Tịnh Danh lược nói.
- d) Thiện đặc lại hỏi.
- e) Tịnh Danh lại nói rộng.
- f) Thời chúng được lợi ích.

Chánh chê trách. Thiện đặc tuy có đại hội tài thí nhưng không biết trong tài có pháp thí, nên không phải pháp thí. Do đó trước chê trách sau khuyên. Trước chê trách là Không thấy trong tài có tất cả Phật pháp, đầu gọi là đại thí. Sau khuyên là khuyên tu đại hội pháp thí.

Hỏi: Hội pháp thí là nói pháp làm hội thí hay trong tài có đủ tất cả pháp, vì khi tài thí tức là hội pháp thí?

Đáp: Đây đủ cả hai nghĩa. Kinh luận đã nói nhiều, cho tiền của là tài thí, nói pháp là pháp thí, đây là cách chung về hai thí của bốn giáo. Nay đạo Viên thông bất tư nghị không phải chỉ nói pháp mới là pháp thí. Trong tài thí đã đầy đủ tất cả Phật pháp để thí cho chúng sinh. Khi làm tài thí này tức là pháp thí, như ngài Vô Tận Ý cỡi chuỗi anh lạc ở cổ để thí cho ngài Quán Thế Âm và bảo rằng: “Nên nhận chuỗi ngọc trên bảo pháp thí này.” Chỉ thí chuỗi anh lạc mà nói là pháp thí, tức trong

chuỗi anh lạc có đầy đủ Phật pháp, khi thí chuỗi anh lạc tức là pháp thí. Nay ngài Tịnh Danh nói: “Không trước không sau cùng lúc cúng dường tất cả chúng sinh gọi là hội pháp thí.” Đây như trên đã chê trách ngài Ca-diếp: “Dùng một bữa ăn mà bố thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và chúng Thánh hiền.” Nay nhận chuỗi anh lạc phân làm hai phần, một phần dâng lên Đức Như Lai Nan Thắng, một phần thí cho kẻ ăn xin thấp hèn nhất, mà nói rằng nếu thí chủ tâm bình đẳng thí cho một người ăn xin thấp hèn kém nhất cũng xem như tương phước điền của Như Lai không thể phân biệt, đồng với đại bi không cầu quả báo, ấy là cũng đầy đủ pháp thí. Do đây mà nói đâu cần phải nói pháp. Nay văn chính là ước tài thí có đầy đủ Phật pháp tức là hội pháp thí. Vì sao? Vì tài thí tức là năm trần. Đại Phẩm nói: Tất cả hưởng đến sắc cho đến thú phi thú thính... cũng thế. Nếu hay thấu suốt trong tài thí có pháp thí, thì từ bi thế nguyện phước trí huân tu, dùng thứ tài thí này tùy như trước mà được. Như bỏ chất độc vào sữa nghe tiếng trống độc gần xa đều chết. Như đây mà thí thì không phải chỉ người thọ nhận trong bảy ngày được lợi, mà tất cả đều có ích. Thiện đặc không hiểu, nên bị chê trách rằng: Đáng làm hội pháp thí sao lại làm hội tài thí.

Hỏi: Chỉ có Viên giáo là có pháp thí, ba thứ kia cũng có vậy?

Đáp: Đối với Đàn mà ước quán thì cũng có nghĩa này, nhưng không phải Viên khắp. Lại phương tiện giáo môn ẩn hiện, chưa ắt là nói nghĩa này. Nên ngài Tịnh Danh dùng thí Viên giáo để hiển bày nhập Phật tri kiến, thấu suốt vô ngại mà mượn việc chê trách ngài Thiện đặc, khiến thời chúng vốn theo phương tiện giáo hiểu rõ tài thí này mà thành tựu pháp thí.

Thiện đặc xin nói: “ngã ngôn... chi hội”. Sở dĩ xin nói, Thiện đặc đâu không biết nói pháp mà là pháp thí, chỉ sợ ý ngài Tịnh Danh có gì sâu sắc hơn nên xin nói.

Ngài Tịnh Danh lược đáp: “pháp thí... chi hội”. hội pháp thí là Không trước không sau. Đây tức là quán thí sắc... tất cả sắc hưởng đến tức là trong sắc có đủ pháp của mười giới gọi là pháp, dùng thứ này mà cúng thí Phật tức là pháp thí. Như châu Như ý đầy đủ tất cả báu. Không phân biệt, là chỉ có người thí bà người nhận là khác. Đây như viên giáo, nếu người thí và người nhận đều biết đủ các báu thì đây như Ba giáo. Nên Đại kinh nói: Có hai loại người được phước lợi lớn: Một là, đúng pháp mà thí, hai là, đúng pháp mà nhận. Đây tức là hội pháp thí. Không trước không sau, là bờ mé trước tức sinh tử, lục đạo chúng sinh. Bờ mé sau tức Niết-bàn, bốn thứ Thánh nhân. Nếu quán ba việc “người thí của

thí người nhận) là nhất như không hai đều là Trung đạo, là Không có bờ mé trước sau, cùng lúc cùng dường tất cả chúng sinh, đó gọi là hội pháp thí. Ở giữa không phải hai biên mà hay song chiếu sáu đạo bốn Thánh. Mười thứ này khắp nhiếp tất cả chúng sinh. Bồ-tát nhân thí một sắc thì khiến tất cả chúng sinh đều thấy được Trung đạo. Tức là đại sự nhân duyên vì khiến tất cả chúng sinh khai thị ngộ nhập, nên nói thí tất cả. Lại còn, nếu chúng sinh nào chưa được lợi lớn thì do căn duyên mình đều được pháp lợi, nên gọi là thí tất cả. Ấy là Không phải quyền không phải thật, mà hay quyền hay thật song chiếu cả hai thí, tâm tâm vắng lặng, nhập Phật tri kiến, đó gọi là hội pháp thí.

Thiện đặc lại hỏi, sở dĩ lại hỏi, là ngài Tịnh Danh lược đáp tóm nói nghĩa sâu sắc, tuy chỉ bày việc pháp thí ý rất rõ ràng, nhưng vẫn chưa hiểu. Lại hiện tích chưa ngộ để khiến thời chúng khắp nghe mà được hiểu rõ lợi ích của pháp thí.

Ngài Tịnh Danh lại đáp “vị dĩ...”. Nói rộng pháp thí có ba mươi hai việc, không thứ nào không ước trong tài có pháp. Nếu lia tài thì trong tài không có pháp, gồm nhiếp pháp bất tận. Tất cả hưởng đến đàn sao chỉ có ba mươi hai thứ, đây chỉ là lược nói mà thôi. Do đó trong tài có đủ muôn hạnh, đem thứ này mà thí thì người nhận tài liền nhận được tất cả pháp. Năm trần cũng đều thế, như tên độc tẩm thuốc, bất cứ vào đâu, chất thuốc độc sẽ phát tán giết chết người. Quán pháp vào tài, tùy thí cho mọi người, sáu căn nhận thí thì pháp liền vào. Như Đại kinh nói: Cho chất độc vào sữa biển khắp năm vị đều hay giết chết người. Chúng sinh thọ nhận tài, quán pháp thấm đượm, để làm thiện căn. Sau nếu gặp Phật khai phát thiện đời trước, thì liền được ngộ. Như chất độc phát tán giết người. Nếu tài thì không đủ pháp tài cùng thí, thì lợi ích bé nhỏ không nhập đạo duyên. Văn có năm:

- 1) Căn cứ bốn đẳng.
- 2) Căn cứ lục độ.
- 3) Căn cứ ba thoát.
- 4) Căn cứ các hạnh.
- 5) Kết thành pháp thí.

Căn cứ bốn đẳng, đây là hoài bảo lợi vật của Bồ-tát, nghĩa là vì Bồ-đề mà khởi từ tâm. Đoạn văn trên có nói: tịch diệt là Bồ-đề. Nếu quán tài hưởng đến rốt ráo tịch diệt, tức là chân Bồ-đề mà khởi Vô duyên đại từ như nam châm hút sắt, cho vui Đại Niết-bàn. Vì cứu chúng sinh mà khởi tâm đại bi. Tất cả chúng sinh đều vì hai biên mà chìm đắm trong biển khổ. Nếu quán tài này lia bỏ hai biên, tức là Vô duyên đại

bi cứu khổ hai biên.

Vì giữ gìn chánh pháp mà khởi tâm hỷ. Chánh pháp là lý nhất thật, nếu thấy lý này, tức là đầy đủ chánh pháp. Pháp này hay khiến lìa khổ hai biên, được Đại Niết-bàn, thành tựu vô duyên đại hỷ.

Vì nhiếp giữ trí tuệ mà khởi tâm xả. Nếu quán ba việc thấy lý ba đế Phật tánh hư không, tức là nhiếp ba trí, không trí không thọ nhận. Biết bốn bất khả thuyết, bình đẳng chân pháp giới Phật không độ chúng sinh, tuy lại cứu khổ ban vui, tâm không phân biệt, không chấp giữ ân nghĩa với vật, tức là vô duyên đại xả.

Căn cứ lục Độ “đĩ nhiếp... Ba-la-mật”. Vì nhiếp giữ xan tham mà khởi Đản Ba-la-mật. Quán ba việc thấy Trung đạo, lìa bỏ hai biên, không xan tham, cũng không bố thí, gọi là chân đản. Vì nhiếp năm thứ xan tham mà khởi năm thứ đản. Bốn quyền một thật, nhiếp chúng sinh như phần khen đức của ngài Tịnh Danh trước đã tóm tắt phân biệt.

Vì hóa độ việc phạm cấm mà khởi Thi-la. Bồ-tát ra làm thấy Đế Nhất thật liền quên trì phạm, đó là chân Thi-la. Vì hóa độ chúng sinh mà nói về đản.

Vì pháp vô ngã mà khởi Sàng-đề. Quán thí thật đế, tức đối với ngã và vô ngã không hai, ấy là chân vô ngã. Nếu thấy chân vô ngã thì không giận cũng không nhẫn. Đó là chân Sàng-đề, vì hóa độ chúng sinh cũng giống như trước.

Vì lìa tướng thân tâm mà khởi Tỳ-lê-gia, là quán ba việc Thí thất đế Nhất thật, tức là Không thấy thân tâm có tướng cũng không tướng, không tinh tấn cũng không giải đãi, là chân Tỳ-lê-gia. Vì hóa sinh cũng giống như thế.

Vì Bồ-đề tướng mà thiền định là quán thật đế của thí tức là tịch diệt. Diệt là Bồ-đề không có tướng định và loạn, đó là chân đế của định. Hóa sinh giống như trước.

Vì Nhất thiết trí mà khởi Bát-nhã, tức quán thí Trung đạo, không thấy có ngu hay trí, ấy là chân chủng trí, vì hóa sinh cũng giống như trước.

Hỏi: Căn cứ bốn đẳng mà giải thích pháp thí, sao chỉ lấy thật, còn giải thích sáu độ để nói pháp thí sao lại song thích?

Đáp: Bốn đẳng là căn cứ vào hoài bảo bên trong, ở ngoài không biết được. Còn Lục độ nhiếp vật, mà vật có tình không phải một, nên cần phải song khởi. Vả lại, bốn đẳng thật tức là nhiếp quyền trong nội tâm ẩn kín trọn không thể biết, nên không cần giải thích đầy đủ.

Căn cứ ba giải thoát môn “giáo hóa... vô tác”. Vì giáo hóa chúng

sinh mà khởi không. Quán thí thật đế tức Chân không Tam-muội. Vì hóa độ chúng sinh mà đoạn dứt các duyên tập nội ngoại, khởi bốn thứ Tam-muội ở bốn giáo, ba quyền một thật. Chẳng bỏ pháp hữu vi mà khởi vô tướng. Quán thí hai biên, tức thấy chánh đạo, là chân Vô tướng Tam-muội, vì hóa độ chúng sinh như ở không môn trước.

Thị hiện thọ sinh mà khởi vô tác, hàng Nhị thừa không nghiệp nên không còn thọ sinh, gọi là vô tác giải thoát. Bồ-tát quán thí thấy một đạo thanh tịnh, lìa nghiệp hai biên, tức là chân vô tác Tam-muội. Do căn lực từ thiện vì vật mà thọ sinh, quyền thật như trước nói.

Căn cứ các hạnh “Hộ trì... đạo pháp”. Hộ trì chánh pháp mà khởi sức phương tiện. Quán thí chánh đạo tức là bảo thành chánh pháp. Hộ trì chánh pháp này mà khởi ba nghiệp phương tiện, ba luân hóa độ bất tư nghị. Đối bốn bất khả thuyết dùng bốn Tất-đàn khéo nói bốn giáo, tức là khởi sức phương tiện. Vì độ chúng sinh mà khởi bốn nhiếp pháp. Quán thí thấy lý, muốn đem lý này độ thoát chúng sinh. Nhân đàn mà khởi bốn nhiếp quyền thật khá biết.

Vì kính thờ tất cả mà khởi pháp trừ kiêu mạn. Quán ở người thọ nhận đều như cúng Phật, khởi tâm yêu kính, không sinh khinh mạn, tức là khởi pháp trừ mạn. Từ đây trở đi các câu đều nói ba quyền một thật. Đối với thân mạng tài mà khởi ba kiên cố. Nếu thấy thí thật đế hay khởi ba kiên cố thì như trước đã nói. Đối với sáu niệm mà khởi pháp tư niệm, biết đàn thật đế tức là niệm Phật. Niệm đàn pháp tánh tức là niệm pháp. Niệm trí cùng đàn hợp nhau, tức là niệm Tăng, niệm đàn mà hay đoạn ác tức là niệm giới. Niệm đàn mà hay buông bỏ tất cả pháp, tức là niệm xả. Niệm nhân đàn mà sinh Tịnh thiên đệ nhất nghĩa thiên, tức là niệm Thiên... Nhưng pháp ngữ không thông suốt tràn đầy. Sáu niệm duyên với bốn giáo, phân biệt quyền thật các pháp, tư niệm không quá mức, đó gọi là khởi pháp tư niệm. Đối với sáu pháp hòa kính mà khởi tâm chất trực. Nếu khi bố thí, tức bốn giáo đã nói bốn thứ lục hòa, đó là thân từ, khẩu từ, ý từ, đồng thí, đồng kiến, đồng giới. Đã biết bốn bất khả thuyết thì hay khởi tâm chất trực. Chính khi làm pháp lành mà khởi tịnh mạng hành thí. Trụ vào bốn chánh thiện mà khởi bốn thứ tịnh mạng, đều là vì lợi vật mà không sinh tà mạng. Tâm tịnh hoan hỷ mà khởi gần gũi Hiền Thánh. Thấy thí thật đế, bỏn tánh thanh tịnh, được chân pháp hỷ, mà gần gũi các phương tiện nói về Hiền Thánh, đồng với các Hiền Thánh, làm lợi ích cho chúng sinh. Không ghét người ác, mà khởi tâm điều phục. Khi bố thí, người ác đến xin thì không sinh chướng ngại, mà điều phục tâm người ấy, để nhập vào tất cả Bồ thí bình đẳng

pháp giới. Vì pháp xuất gia mà khởi thâm tâm. Khi bố thí thấy Đế nhất thật, ra khỏi hai biên sinh tử, quán phương tiện giáo, nói pháp xuất gia. Biết rằng tất cả đều quy về nhất Đại thừa mà xuất gia, nên khởi thâm tâm. Vì làm đúng như nói mà khởi đa văn, quán thí thật đế, tức tâm điều khuyến hay làm đúng như lời nói. Khởi đa văn khắp muốn nghe bốn giáo nói về quyền thật. Vì pháp vô tránh mà khởi chỗ trống vắng. Biết bốn bất khả thuyết thì không tranh giành, phương tiện mà khởi các chỗ trống vắng, để nhiếp giữ các chúng sinh ồn ào. Hưởng về Phật tuệ mà khởi ngôi yên, thấy Đế nhất thật tức là hưởng đến Phật tuệ, mà khởi ngôi yên, là như đã giải thích ở chương ngài Thân Tử. Vì mở trời buộc cho chúng sinh mà khởi địa tu hành. Quán đế nhất thật luôn dùng phương tiện mở các phước nội ngoại giới cho chúng sinh. Ước các giáo môn khởi địa tu hành thì xét các ngôi vị Hiền Thánh đoạn phục không đồng, đã như huyền nghĩa phân biệt. Vì đủ tướng hảo và tịnh cõi Phật mà khởi nghiệp phước đức. Khởi nghiệp ba mươi hai tướng như Đại luận đã nói. Nhân thí mà khởi nghiệp Tịnh độ, như đã giải thích ở phẩm Phật Quốc. Biết tất cả chúng sinh bình đẳng là thấy Đế nhất thật, tức là biết tất cả tâm niệm chúng sinh. Hay phó cơ nói pháp mà khởi hai thứ trí nghiệp quyền thật tùy tình. Biết tất cả pháp bình đẳng, là biết tất cả hưởng đến đàn, thấy Đế nhất thật, tức là Không lấy bỏ mà nhập vào nhất tướng môn. Nói khởi tuệ nghiệp, tức là quên hai trí quyền thật ở trước. Đoạn tất cả phiền não..., tức là thấy thật đế chân tu, hiển bày thì hay như thế. Nhưng muốn tiến sâu về tự hành hóa tha, thì cần phải khởi duyên tu để giúp đạo pháp.

Kết thành hội pháp thí: “Như thị... phước điền”, tức ở trong đàn có đủ tất cả Phật pháp, tùy chỗ tài thí, như tên độc tẩm thuốc. Nếu có người đấm trước xứ ở, diệt các phiền não, thành tựu tất cả thiện căn, đó là hội pháp thí, là đại thí chủ, cũng là phước điền của tất cả chúng sinh. Nếu nội tâm thành tựu tất cả Phật pháp, nếu có bố thí, tất hay nuôi lớn tất cả thiện căn, đó là chân phước điền.

Thời chúng được lợi ích: “Thế Tôn...”. Văn có hai:

- a) Bà-la-môn phát tâm.
- b) Thiện đặc thanh tịnh.

Nghe nói Đàn độ có đầy đủ Phật pháp, thành tựu hội pháp thí, thì tâm ý khai mở liền phát tâm vô thượng.

Thiện đặc tâm được thanh tịnh “ngã thời...”. Văn có bốn:

- 1) Thiện đặc tâm được thanh tịnh chí kính cúng dường.
- 2) Tịnh Danh khiêm nhường không nhận.

3) Thiện đặc lại xin nhận cho.

4) Tịnh Danh nhận rồi thí lại.

Thiện đặc tâm thanh tịnh: Thiện đặc nghe nói pháp thí liền thấy trong thí có tất cả Phật pháp, suốt chiếu không nhiễm tức là tâm được thanh tịnh. Xưa học phương tiện chưa từng nghe được điều này, nên khen ngợi chưa từng có. Vì việc lớn lợi ích chúng sinh, nên cảm Đức chí kính, liền cúi chuỗi anh lạc cúng dường đên ân.

Tịnh Danh khiêm nhường: “không chịu nhận”, vốn vì pháp làm lợi ích không có ý tài vật, bỗng nhận lấy tất gây chê bai cũng là biểu thị rằng Bồ-tát bên trong không nhận tất cả pháp.

Thiện đặc lại xin nhận lấy: “ngã ngôn... sở dữ”. Kính trọng báo ân rất muốn cúng dường, nhưng không có dịp bày tỏ, nên lại xin nhận lấy. Nếu không cần dùng thì nhận rồi cho lại, cũng nói lên lòng chân thành thân thiết, nên lại xin nhận lấy.

Tịnh Danh nhận rồi cho lại: “Duy-ma-cật...”. Thiện đặc quyết lòng khó thể làm ngược lại. Cũng biểu thị cho Bồ-tát vì hóa độ chúng sinh, dùng không thọ nhận mà thọ nhận các thọ. Nhận rồi thí lại là đủ cả Bi và kính điền. Vẫn có bốn:

a) Thí lại bi kính hai điền.

b) Chúng thấy chuỗi anh lạc bên Phật Nan Thắng.

c) Tịnh Danh lược nói hội pháp thí.

d) Trong thành người ăn xin phát tâm Bồ-đề.

Biểu thị phước điền không hai tức là hội pháp thí.

“Tất cả... chướng tặc”, chúng thấy Đức Như Lai Nan Thắng nhận. Ngài Tịnh Danh hiển cúng biến thành đài báu, tức biểu thị ngài Tịnh Danh, nhân bố thí mà ở vị lai sẽ được thượng quả, bốn đức không chướng ngại Đại Niết-bàn.

“Thời Duy-ma... pháp thí”, ngài Tịnh Danh nhân thí chuỗi anh lạc nói hội pháp thí, nếu thí cho người ăn xin cũng xem như tướng phước điền của Như Lai, không có phân biệt. Đây tức là quán điền thí nhập vào bình đẳng pháp giới, không có hai tướng, mà thành tựu Vô duyên đại từ, đầy đủ tất cả Phật pháp, không mong cầu báo duyên tu, tức là đầy đủ hội pháp thí, vẫn nói như thế. Các sư sao được chỉ ước vào nói pháp để nói pháp thí.

“Thành trung... Bồ-đề”. Trong thành người ăn xin phát tâm Bồ-đề. Người ăn xin nhân nhìn thấy thân lực, lại nghe nói hội pháp thí, tâm ý khai mở liền phát đạo tâm vô thượng.

* Kết thành không kham “cho nên con không kham đến thăm

bệnh ông ta”. Thiện đắc tự nghĩ thuở xưa ở nhà cha đã lập hội pháp thí bất nhàn, liền bị chê trách, tâm liền thanh tịnh, đâu lại dám lãnh ý chỉ Phật đến thăm bệnh.

Từ “như thị... vấn tậ” là phần lớn kế tiếp. Người dịch kinh còn lược bỏ hoặc kinh chưa nói hết. Các Bồ-tát được sai thăm bệnh đều từ chối không lãnh việc. Nếu dựa vào khen đức thì có ba vạn hai ngàn người. Nếu dựa theo văn nói số người vào thất thì chỉ có tám ngàn chưa thể phán định. Chỉ có bốn Bồ-tát kể lại việc bị chê trách mà văn đã mấy tờ. Nếu kinh thuật đủ các Bồ-tát đều trình bày cả, thì văn sẽ đến mấy ngàn tờ. Như thế đại chúng đồng nghe Như Lai ấn định, đều thành nghĩa năm thứ lợi ích, đâu thể chỉ riêng phần tựa.
